

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẠM TẤU  
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 09-8-2024  
Về việc ly hôn, tranh về nuôi con  
khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TẤU, TỈNH YÊN BÁI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Lên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lại Thị Lâm;
- Ông Phạm Thành Đô.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lò Thị Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trám Tấu, tỉnh Yên Bái.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trám Tấu, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:** Bà Hà Thị Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trám Tấu, tỉnh Yên Bái tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 07/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25-7-2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Sùng Thị D, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Vàng A D, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Vắng mặt không có lý do.

3. **Người phiên dịch tiếng Mông:** Ông Mùa A L- Cán bộ Chi cục thi hành án dân sự huyện Trám Tấu, tỉnh Yên Bái.

Có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23-02-2024 và biên bản lấy lời khai của đương sự nguyên đơn chị Sùng Thị D trình bày:

Chị và anh Vàng A D đến với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng kết hôn vào ngày 02-3-2009 tại UBND xã Túc Đán, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn H, xã T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D nghiện ma túy không chịu tu chí làm ăn, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh D không nghe còn chửi bới và đánh chị D, dẫn đến vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Năm 2021 anh Vàng A D bị Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn là 18 tháng. Năm 2022 chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn P, xã T sinh sống từ đó đến nay vợ chồng không còn quan tâm gì đến đời sống của nhau. Mâu thuẫn giữa chị và anh D đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Chị D xác định tình cảm vợ chồng đã hết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vàng A D.

Về con chung: Chị và anh Vàng A D có 02 con chung là Vàng A D1, sinh ngày 20-8-2014 và Vàng A X, sinh ngày 08-4-2019. Khi ly hôn chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Vàng A X và Vàng A D1, chị không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh Vàng A D tự thỏa thuận chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập anh Vàng A D họp lệ nhiều lần theo đúng quy định, nhưng anh D đều không có mặt để giải quyết việc ly hôn tại Tòa án.

Tại bản tự khai gửi cho Tòa án vào ngày 30-5-2024 bị đơn anh Vàng A D trình bày với nội dung: Nếu chị D không bỏ anh thì chị D về nhà, nếu chị D nhất quyết bỏ anh thì chị D phải trả lại hai con cho anh thì anh D đồng ý bỏ chị D và sẽ ký vào biên bản và chị D phải mang biên bản lên nhà anh D để anh D ký.

Tại biên bản lấy lời khai 22-4-2024 cháu Vàng A D1 khai: Bố mẹ cháu đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu. Bố mẹ cháu chung sống với nhau hay xảy ra mâu thuẫn, thì thoả bố mẹ cháu hay cãi chửi nhau, bố còn ra tay đánh mẹ, cháu không muốn cho bố mẹ ly hôn, nhưng nếu mẹ quyết tâm ly hôn bố thì cháu tôn trọng quyết định của mẹ. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở cùng bố, vì hiện tại cháu đang ở cùng bố, mẹ cháu đã về sống cùng ông bà ngoại không có thời gian quan tâm, chăm sóc đến cháu.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024 Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi anh D cư trú về các nội dung: Sự có mặt của anh D tại nơi cư trú, tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh D, điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung giữa

chị D và anh D, kết quả được ông Lý A C là trưởng thôn H, xã T, huyện T cho biết:

Anh Vàng A D có hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái. Hiện D đang cư trú sinh sống và làm việc tại thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái. Thông báo thụ lý vụ án cũng như các giấy triệu tập của Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu gửi về thôn, chúng tôi đều đã giao tận tay cho anh D, tuy nhiên anh D cố tình lẩn tránh không đến làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024 khi Tòa án đến thôn để xác minh về sự có mặt của anh D tại nơi cư trú, anh D trước đó có mặt ở nhà nhưng khi thấy trưởng thôn cùng đại diện Tòa án đến nhà thì anh D đã lẩn tránh và gửi lại bản tự khai viết bằng giấy viết tay cho Tòa án.

Về tình trạng quan hệ hôn nhân giữa chị Sùng Thị D và anh Vàng A D: Chị D và anh D có đăng ký kết hôn tại UBND xã Túc Đán, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái, quá trình chung sống chị D và anh D có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Nguyên nhân là do anh D nghiện ma túy, không tu trí làm ăn, tài sản gia đình có gì đều bán đi để lấy tiền tiêu xài hết, chị D thì đau ốm anh D không chăm sóc, gia đình khó khăn, thiếu thốn, không còn đất để canh tác từ đó dẫn đến vợ chồng cãi, chửi nhau, chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn P, xã T từ năm 2022 đến nay. Anh D đã được đi cai nghiện 01 lần ở cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái, nhưng sau khi cai về được một thời gian thì anh D lại tái nghiện.

Về con chung và điều kiện nuôi dưỡng con chung: Chị Sùng Thị D và anh Vàng A D có 02 con chung là Vàng A D1, sinh ngày 20-8-2014 và Vàng A X, sinh ngày 08-4-2019, hiện nay anh D là người nghiện ma túy, sống lệ thuộc vào ma túy, không có công ăn việc làm. Chị D làm nghề nghiệp trồng trọt, từ khi chị D và anh D xảy mâu thuẫn cháu Vàng A X do chị D trực tiếp nuôi dưỡng còn cháu Vàng A D1 vẫn ở cùng anh D và bố mẹ đẻ anh D. Do anh D nghiện ma túy đề nghị Tòa án xem xét không giao con cho anh D nuôi dưỡng, vì nếu giao con cho anh D nuôi sẽ ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển lành mạnh của con.

Tại biên bản xác minh ngày 14-6-2024 tại Công an xã Túc Đán, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái, ông Lương Ngọc T trưởng Công an xã cho biết: Anh Vàng A D, ngày 08-6-1989 đăng ký thường trú tại thôn H, xã T, huyện T; năm 2021 Vàng A D bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, sau đó UBND xã Túc Đán đã lập hồ sơ đề nghị đưa Vàng A D vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Ngày 15-6-2021 anh Vàng A D đã đi cai nghiện bắt buộc sau khi cai nghiện trở về địa phương UBND xã Túc Đán đã đưa anh D vào hồ sơ quản lý sau cai nghiện. Ngày 11-2-2023 anh D bị bắt về hành vi mua bán

trái phép chất ma túy, sau khi mãn hạn tù anh D vẫn trong danh sách quản lý, theo dõi người sử dụng trái phép chất ma túy.

Quá trình giải quyết vụ án, chị D có đơn đề nghị không hòa giải, Tòa án tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn được Tòa án triệu tập nhưng không đến giải quyết, chưa thực hiện đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Sùng Thị D được ly hôn anh Vàng A D.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị Sùng Thị D được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng con chung 02 con chung là Vàng A D1, sinh ngày 20-8-2014 và Vàng A X, sinh ngày 08-4-2019. Anh Vàng A D không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét đến.

- Về án phí Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tại biên bản tiến hành hòa giải một bên, các chứng cứ đã thu thập. Hội đồng xét xử nhận thấy:*

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:

- Về thẩm quyền: Bị đơn anh Vàng A D có hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái. Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về tố tụng: Sau khi chị D có đơn khởi kiện xin ly hôn, Tòa án đã thụ lý và tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa; anh Vàng A D đã được Tòa

án tiến hành triệu tập hợp lệ theo đúng quy định nhưng anh D đều không có mặt nên Tòa án giải quyết theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn chị Sùng Thị D khởi kiện xin ly hôn bị đơn anh Vàng A D và đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con chung khi ly hôn. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- Theo giấy khai sinh thì chị Sùng Thị D sinh ngày 02-7-1990, theo trích lục kết hôn số 04/2024/TLKH-BS ngày 26-02-2024 của UBND xã Túc Đán thì chị D sinh năm 1990. Theo xác nhận thông tin nơi cư trú, căn cước công dân của chị Sùng Thị D và trong Giấy khai sinh của Vàng A D1, Vàng A X (là con của chị D) đều xác định chị D sinh ngày 02-7-1992. Xét thấy tại Điều 6 của Nghị định số 123/NĐ-CP ngày 15-11-2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật hộ tịch quy định: Giấy khai sinh là giấy tờ hộ tịch gốc của cá nhân. Mọi hồ sơ, giấy tờ của cá nhân có nội dung về họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; dân tộc; quốc tịch; quê quán; quan hệ cha, mẹ, con phải phù hợp với Giấy khai sinh của người đó. Năm 2009 chị Sùng Thị D kết hôn với anh Vàng A D trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Túc Đán, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái. Việc kết hôn này tuân thủ đúng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Qua lời trình bày của nguyên đơn sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh D nghiện ma túy, không chịu tu chí làm ăn, chị D khuyên bảo lần nhưng anh D không nghe còn chửi bới và đánh vợ, dẫn đến vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Năm 2021 anh D bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn là 18 tháng, đến năm 2022 chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn P, xã T sinh sống, từ đó đến nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Lời khai của nguyên đơn là phù hợp với nội dung biên bản xác minh của Tòa án. Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện theo nội dung đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Sùng Thị D và anh Vàng A D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc cho chị D ly hôn với anh D là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Sùng Thị D và anh Vàng A D có 02 con chung là Vàng A D1, sinh ngày 20-8-2014 và Vàng A X, sinh ngày

08-4-2019, khi ly hôn chị D có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 02 con Vàng A D1 và Vàng A X và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con. Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy anh Vàng A D là người nghiện chất ma túy, đã bị xử phạt tù về tội ma túy, đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc vào năm 2021, hiện anh D là đối tượng có trong hồ sơ quản lý sau cai nghiện của Công an xã Túc Đán. Tại biên bản xác minh ngày 30-5-2024 trưởng thôn nơi anh D cư trú đề nghị Tòa án xem xét không giao con cho anh D nuôi dưỡng, vì nếu giao con cho anh D nuôi sẽ ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển lành mạnh của con.

Xét thấy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, để các cháu có thể phát triển tốt nhất, tránh bị ảnh hưởng xấu bởi các tệ nạn ma túy cần chấp nhận yêu cầu của chị D, giao 02 con chung là Vàng A D1 và Vàng A X cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của Pháp luật, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị D, sau khi ly hôn anh Vàng A D có quyền nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Sùng Thị D đối với anh Vàng A D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Sùng Thị D được ly hôn anh Vàng A D.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Vàng A D1, sinh ngày 20-8-2014 và Vàng A X, sinh ngày 08-4-2019 cho chị Sùng Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Vàng A D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Sùng Thị D phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng chẵn*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng chẵn*) theo biên lai số AA/2023/0000468 ngày 09-4-2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái. Chị Sùng Thị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm, anh Vàng A D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tấu;
- Chi cục THADS huyện Trạm Tấu;
- UBND xã Túc Đán;
- Các đương sự;
- Lưu: HS (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Lên**